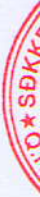


**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2015**



I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200580975
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 90.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng
- Số điện thoại: 031.3836379
- Số fax: 031.3836151
- Website: www.vimadeco.com.vn
- Mã cổ phiếu: VMS

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- + Công ty được thành lập ngày 30/10/1992 với tên gọi Tổng Công ty Phát triển hàng hải theo quyết định số 2444-QĐ/TCCB-LĐ của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.
- + Quyết định số 1195/QĐ/TCCB-LĐ ngày 16/6/1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước Công ty Phát triển hàng hải.
- + Quyết định số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển DNNN Công ty Phát triển hàng hải, đơn vị thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty cổ phần với số vốn điều lệ là 40.000.000.000 đồng
- + Ngày 01/6/2007 Công ty tăng vốn điều lệ lên 60.000.000.000 đồng.
- + Ngày 11/2/2015 Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 90.000.000.000 đồng.
- + Ngày 20/10/2015 Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- + Cho thuê kho, bãi, văn phòng; Kinh doanh nhà;
- + Dịch vụ đại lý tàu biển (bao gồm dịch vụ cung ứng tàu biển); Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Dịch vụ môi giới thuê tàu biển; Dịch vụ logistics; Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuê hải quan; Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung);
- + Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải thủy;
- + Cho thuê phương tiện vận tải thủy, vỏ container, rơ moóc;
- + Đại lý xăng dầu;
- + Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- + Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- + Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;

- + Bán phụ tùng và cả bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy; Bán buôn phương tiện vận tải thủy;
- + Xây dựng nhà các loại (bao gồm xây dựng bệnh viện, trường học, siêu thị, nhà ở, nhà văn phòng)
- + Bán buôn gỗ ván sàn; Bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí;
- + Cho thuê xe có động cơ;
- + Sản xuất xe có động cơ;
- + Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- + Tư vấn lập hồ sơ dự án đầu tư;
- + Sản xuất vỏ container; Sửa chữa vỏ container;
- + Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- + Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- + Bốc xếp hàng hóa.

Công ty hoạt động kinh doanh trên các địa bàn: Hải Phòng, Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu, Quảng Ninh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

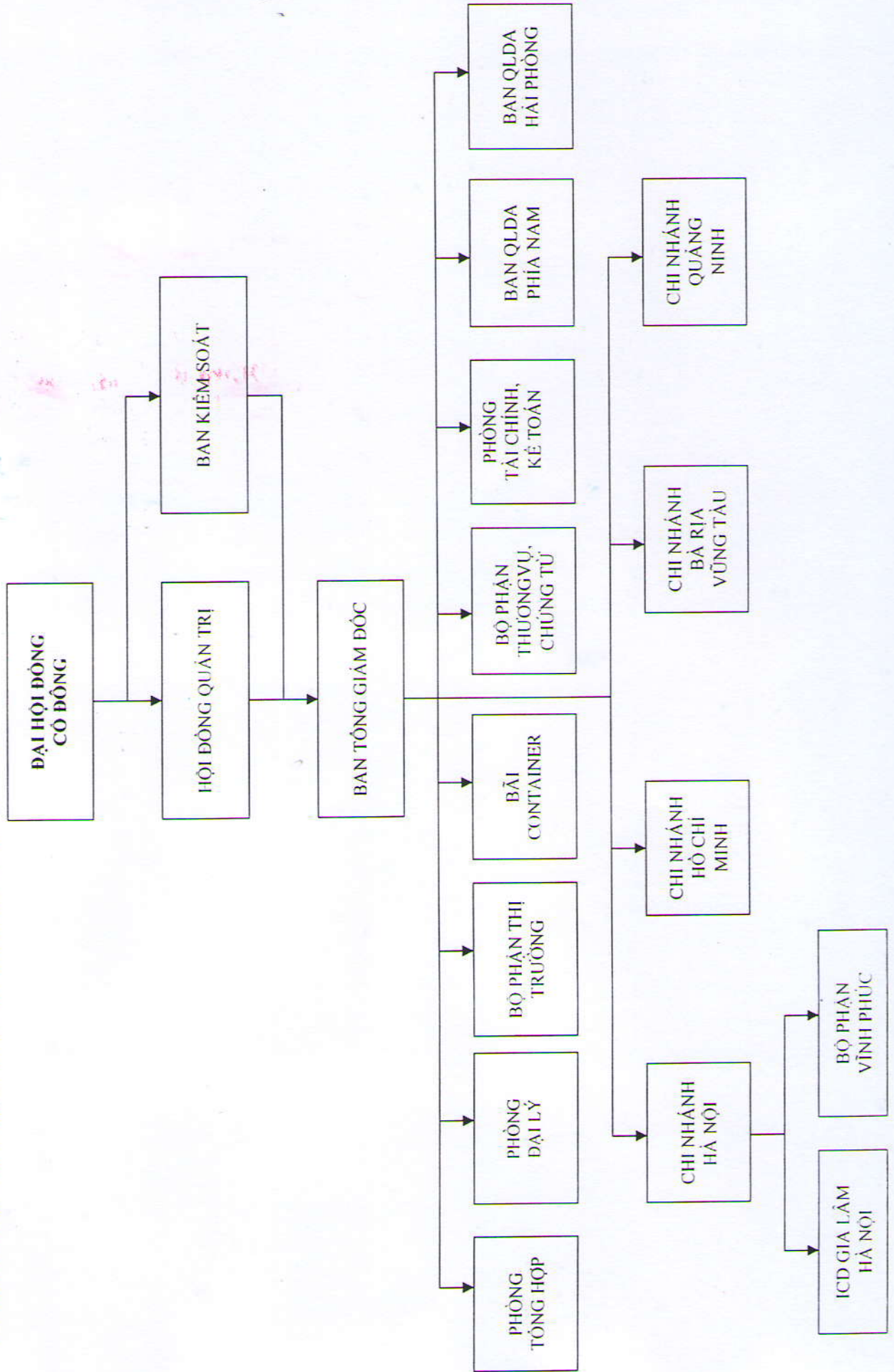
- Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Sơ đồ tổ chức:

Cơ cấu tổ chức của Công ty được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:



- Các Công ty con, Công ty liên kết:

a/ Công ty cổ phần dịch vụ hàng hải Hải Âu:

Địa chỉ: tầng 7, tòa nhà Lê Phạm, số Lê Thánh Tông, quận Ngô Quyền, Tp.Hải Phòng

Loại hình Công ty: Công ty cổ phần

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: dịch vụ hàng hải

Vốn điều lệ: 12.980.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của doanh nghiệp tại Công ty liên kết: 27,73% vốn điều lệ (3.600.000.000 đồng)

b/ Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinalines:

Địa chỉ: B6, lô E, đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Loại hình Công ty: Công ty TNHH hai thành viên

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sửa chữa tàu biển

Vốn điều lệ thực góp: 622.528.567.705 đồng

Tỷ lệ sở hữu của doanh nghiệp tại Công ty liên kết: 5,396% vốn điều lệ (33.594.424.002 đồng)

5. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ để tăng năng lực cạnh tranh, tăng cường phối kết hợp với các doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển, khai thác cảng biển và các doanh nghiệp cùng kinh doanh dịch vụ dưới sự chi đạo, điều tiết chung của Công ty Mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam để phát huy lợi thế của từng doanh nghiệp.

+ Chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng và hệ thống phụ trợ, trung tâm logistics, trang thiết bị trong điều kiện phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty phục vụ hoạt động SXKD và đáp ứng yêu cầu thị trường.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Công ty sẽ duy trì sự ổn định, giữ vững hoạt động SXKD chính là dịch vụ hàng hải và hoạt động hỗ trợ với doanh thu tăng trưởng bình quân hàng năm từ 5-10%

+ Tiếp tục tập trung chi đạo, chú trọng và đẩy mạnh công tác thị trường, giữ vững các hoạt động SXKD chính của Công ty như kinh doanh, khai thác kho bãi và ICD, vận tải đa phương thức, giao nhận vận chuyển và logistics, hoạt động đại lý leasing container, giám định và sửa chữa container, cho thuê văn phòng và container, đẩy mạnh hoạt động vận tải và đại lý hàng hải....

+ Kiên trì củng cố và phát triển dịch vụ vận tải nội địa dựa trên nguồn lực hiện có gắn liền với hoạt động logistics tại hai đầu TP Hồ Chí Minh và Hải Phòng.

+ Đảm bảo và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cho hoạt động SXKD của Công ty.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Công ty đảm bảo hệ thống quản lý, hoạt động SXKD của Công ty gắn liền với trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

6. Các rủi ro:

- Nguyên nhân chủ quan:

- + Công tác tìm kiếm và phát triển thị trường trong hoạt động SXKD của Công ty cũng như các Chi nhánh chưa đạt được các yếu tố bền vững, chưa xây dựng được chiến lược lâu dài.
- + Công tác thị trường; cách tiếp cận và khai thác nguồn từ thị trường còn hạn chế.
- + Công tác thu hồi công nợ mặc dù được quan tâm và duy trì thường xuyên, kết quả thực hiện đã được cải thiện nhưng chưa giải quyết được dứt điểm phần nợ xấu từ những năm trước, phải tiếp tục trích lập trong năm 2015.

- Nguyên nhân khách quan:

- + Bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và ngành hàng hải kéo dài và liên tục trong giai đoạn này:
- + Biến động thất thường của kinh tế vĩ mô và thị trường;
- + Chi phí kinh doanh ngày càng cao;

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Từ kết quả đạt được trong năm 2014, Công ty bước vào thực hiện kế hoạch năm 2015 trong bối cảnh cơ hội và thách thức đan xen; các dịch vụ cốt lõi của Công ty tại các khu vực là kinh doanh khai thác kho, bãi và ICD, đại lý leasing container, giao nhận vận chuyển đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức và bị chia sẻ, cạnh tranh quyết liệt trên thị trường; chi phí thuê đất của Công ty năm 2015 cao hơn 1,87 lần so với cùng kỳ năm trước.

Trong điều kiện như vậy Công ty đã duy trì và giữ vững được các hoạt động SXKD chính, công tác phát triển thị trường của Công ty tiếp tục được quan tâm chú trọng về mảng container cũng như hàng rời, chất lượng dịch vụ được duy trì và đảm bảo đã đóng góp cho kết quả chung của toàn Công ty; xin khái quát qua một số điểm chính sau:

+ Tại khu vực Hải Phòng: hoạt động SXKD chính như kinh doanh kho bãi có sự tăng trưởng mạnh nhất trong những năm gần đây nhưng sự suy giảm của thị trường vận tải bộ và dịch vụ cấp dầu đã ảnh hưởng đến doanh thu và hiệu quả hoạt động.

+ Chi nhánh HCM vẫn giữ được sự tăng trưởng ổn định về doanh thu, lợi nhuận chủ yếu từ dịch vụ kho bãi và leasing, do kịp thời đầu tư, mở rộng hệ thống kho bãi và hợp tác kinh doanh đã đáp ứng nhu cầu tăng trưởng đột biến của sản lượng leasing.

+ Chi nhánh BRVT tiếp tục tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước từ các dịch vụ cấp dầu, vận tải và đại lý vận tải, cho thuê phương tiện.

+ Chi nhánh Hà Nội gặp nhiều khó khăn, thách thức đặc biệt là chi phí thuê đất tăng 100% so với 2014; dù đã nỗ lực cố gắng nhưng không đạt kế hoạch về lợi nhuận.

- Nhìn lại hoạt động SXKD của Công ty năm 2015 tiếp tục chuyển biến trong việc kết nối và phối hợp kinh doanh dịch vụ giữa Công ty và các Chi nhánh; Công ty đã duy trì và giữ vững được thị trường, khách hàng, phát triển thêm các khách hàng mới về dịch vụ container và vận chuyển hàng rời, củng cố dịch vụ vận tải container bằng đường bộ.

- Công tác quản lý của Công ty tiếp tục được tăng cường; thường xuyên và quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ, thực hiện nghiêm túc việc tiết giảm chi phí trong SXKD và quản lý theo yêu cầu của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam để đảm bảo hiệu quả hoạt động của đơn vị.

- Kết quả hoạt động Công ty năm 2015: doanh thu đạt 109,37% kế hoạch, bằng 89,59% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận trước thuế đạt 105,89% kế hoạch, bằng 51,15% so với cùng kỳ năm trước; Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch do ĐHCĐ 2015 giao, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	So sánh với kế hoạch			So sánh cùng kỳ		
	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ	Năm 2015	Năm 2014	Tỷ lệ
Tổng doanh thu	240.611	220.000	109,37%	240.611	268.583	89,59%
LNTT	22.767	21.500	105,89%	22.767	44.507	51,15%

2. Tổ chức và nhân sự:

Danh sách Ban điều hành

+ Ông Nguyễn Văn Dũng - Tổng giám đốc Công ty

Ngày sinh: 20/8/1966

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 030665504

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 40/96 Hai Bà Trưng, Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần dịch vụ hàng hải Hải Âu

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Ông Nguyễn Chí Kiên – Phó Tổng giám đốc Công ty

Ngày sinh: 25/1/1963

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 030090579

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 38/120 Lê Lợi, Ngô Quyền, Hải Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Mai Tiến Sỹ – Phó Tổng giám đốc Công ty

Ngày sinh: 26/8/1969

Nơi sinh: Hải phòng

Số CMND: 024395033

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 76 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, TPHCM

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

+ Ông Đậu Anh Dũng – Kế toán trưởng Công ty

Ngày sinh: 23/01/1982

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 040082000183

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 6/44 Lê Lai Ngô Quyền Hải Phòng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan với Công ty: Không

- Những thay đổi trong Ban điều hành

Trong năm 2015, Công ty đã bổ nhiệm Ông Mai Tiến Sỹ giữ chức vụ Phó TGD Công ty kể từ ngày 20/11/2015; Ông Đậu Anh Dũng giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 20/11/2015.

Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

+ Đơn giá tiền lương được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt hàng năm

+ Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn

+ Tổng số lao động bình quân trong năm của Công ty 205 người. Thu nhập bình quân là 11.000.000 đồng/người-tháng

3. Tình hình đầu tư thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

*. Dự án khu chung cư phức hợp Blue Ocean và khu dân cư Phước bình:

- Đến nay việc xét công nhận Công ty là nhà đầu tư thứ cấp vẫn đang bế tắc và kéo dài; mặt khác Công ty cổ phần Địa ốc 10 không thực hiện đúng cam kết vì vậy dự án gần như không có tiến triển và quy hoạch chi tiết 1/500 cho hai dự án chưa được thực hiện dù Hợp đồng đã ký từ năm 2010.

- Việc giải quyết đền bù lộ giới mở rộng Xa lộ Hà Nội:

Công ty đang chờ Ban bồi thường và giải phóng mặt bằng xem xét, giải quyết trên cơ sở hồ sơ pháp lý, hồ sơ đền bù liên quan và kiến nghị xem xét bồi thường.

*. Dự án Bãi container Đình Vũ, Hải Phòng:

- Mặc dù đã được HĐQT Công ty phê duyệt từ tháng 9/2014 nhưng đến nay chưa triển khai được do quy hoạch của Thành phố. Công ty đã nộp đơn xin thuê đất lên UBND Thành phố Hải Phòng nhưng đến nay chưa nhận được ý kiến phản hồi, hiện đơn vị tư vấn đang gặp khó khăn và chưa định hướng được trong việc làm các thủ tục liên quan đến thuê đất cho Công ty.

- Ban QLDA Hải Phòng đã tiếp xúc với một số đơn vị tư vấn khác để tháo gỡ nhưng chi phí tư vấn dự kiến tăng từ 2 đến 3 lần so với đơn vị cũ, tiềm ẩn rủi ro cao và chưa thật sự khả thi.

- Ban QLDA Hải Phòng đang khảo sát, tìm kiếm và lựa chọn các khu đất khác có diện tích tương đương để thay thế, đề xuất hướng thuê CSHT đã hoàn thiện tại khu vực Đình Vũ để khai thác trong trường hợp chưa triển khai được dự án.

*. Dự án Bãi container Long Bình, Tp.Hồ Chí Minh:

Đã nhận bàn giao 54.000 m² từ người cho thuê, đã đưa toàn bộ diện tích trên vào khai thác theo giai đoạn bàn giao, đang tiếp tục xây dựng công trình phụ trợ cho depot để phục vụ khai thác container.

*. Mua lại Văn phòng Công ty tại số 11 Võ Thị Sáu, Ngô Quyền, Hải Phòng:

Đã hoàn thành việc mua văn phòng Công ty tại Số 11 Võ Thị Sáu, Ngô Quyền, Hải Phòng

*. Định hướng chuyển đổi ICD Hà Nội:

- Theo quy hoạch phân khu của TP. Hà Nội tại khu đất ICD Hà Nội và kế hoạch xây dựng ICD Cỏ Bi của Công ty Hanel để thay thế cho ICD Hà Nội, đến thời điểm hiện tại tiến độ xây dựng ICD Cỏ Bi chưa có tiến triển.

- Khu vực ICD Hà Nội và một số khu đất xung quanh có thể nằm trong vùng quy hoạch 1/500 của UBNDTP Hà Nội: do vậy các đơn vị xung quanh đang khẩn trương tìm hướng xin chuyển đổi thành đất thuê có thời hạn lâu dài hoặc chuyển đổi công năng. Công ty đã giao Chi nhánh Hà Nội làm thủ tục thẩm định giá tài sản trên đất và lợi thế quyền thuê đất để xin chủ trương tiếp theo của HĐQT.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	249.297.357.722	252.800.171.600	101.41
Doanh thu thuần	262.155.048.327	234.311.070.126	89.38
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	42.303.387.809	22.227.589.866	52.54
Lợi nhuận khác	2.204.349.398	539.998.310	24.50
Lợi nhuận trước thuế	44.507.737.207	22.767.588.176	51.15
Lợi nhuận sau thuế	34.679.590.575	18.062.149.732	52.08
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3.472	1.770	

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
<p><i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/ Nợ ngắn hạn</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn</p>	<p>3,04</p> <p>2,91</p>	<p>2,93</p> <p>2,88</p>	
<p><i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i></p> <p>+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản</p> <p>+ Hệ số nợ/ VCSH</p>	<p>0,36</p> <p>0,55</p>	<p>0,34</p> <p>0,53</p>	
<p><i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i></p> <p>+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản</p>	<p>1,05</p>	<p>0,93</p>	
<p><i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i></p> <p>+ Hệ số LNST/ Doanh thu thuần</p> <p>+ Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu</p> <p>+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản</p>	<p>0,13</p> <p>0,22</p> <p>0,14</p>	<p>0,08</p> <p>0,11</p> <p>0,07</p>	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 9.000.000 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 8.634.138 cổ phiếu.

- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 365.862 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số lượng CP nắm giữ
1	Tổ chức:	52,886	4.759.802
	Trong đó		
	Tổ chức Việt nam	52,886	4.759.802
	Cá nhân	47,049	4.234.498
2	Trong đó		
	Cá nhân Việt nam	47,049	4.234.498
	Trong nước:	99,937	8.994.300
	Trong đó		
Tổ chức trong nước	52,887	4.759.802	
Cá nhân trong nước	47,050	4.234.498	
Nước ngoài	0,00063	5.700	
3	Trong đó		
	Tổ chức nước ngoài		
	Cá nhân nước ngoài	0,00063	5.700
	Cổ đông nhà nước	51	4.590.000

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Công ty không có thay đổi gì.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có thay đổi gì

e. Các chứng khoán khác: Không có thay đổi gì

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Công ty bước vào thực hiện kế hoạch năm 2015 với cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen. Được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, Hội đồng quản trị Công ty; trong điều kiện thực tế của đơn vị và diễn biến của thị trường, bằng sự nỗ lực và quyết tâm của tập thể CBCNV, Công ty đã tập trung chỉ đạo điều hành, huy động mọi nguồn lực, quan tâm, chú trọng và đẩy mạnh công tác thị trường đặc biệt là các dịch vụ cốt lõi của Công ty; vì vậy Công

ty đã duy trì được các dịch vụ truyền thống, phát triển thêm được khách hàng và thị trường; tăng cường công tác quản lý, nghiêm túc thực hiện việc tiết giảm chi phí trong SXKD và quản lý.

Kết quả đạt được là năm 2015 Công ty đã vượt qua khó khăn, tổ chức thực hiện và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD mà Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 đề ra.

2. Tình hình tài chính:

Doanh thu, lợi nhuận và các chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty đều tăng vượt mức so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Trong năm 2015 Công ty đã nghiên cứu, khảo sát, đánh giá lại, phân tích những thuận lợi cũng như khó khăn của các ngành nghề SXKD của Công ty và các Chi nhánh, tham khảo các mô hình quản lý của các doanh nghiệp có cùng ngành nghề đang hoạt động hiệu quả để điều chỉnh, bổ sung, phân bổ nguồn lực hợp lý, mở rộng hay thu hẹp hoạt động và phạm vi kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế và định hướng của Công ty tạo tiền đề cho các giai đoạn phát triển tiếp theo.

- Rà soát, điều chỉnh mô hình tổ chức, nhân sự của Công ty và Chi nhánh để huy động và sử dụng tối đa các nguồn lực của Công ty phù hợp với điều kiện thực tế và định hướng phát triển của Công ty.

4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Công tác quản trị của Công ty được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế của Công ty.

- Các mặt hoạt động của Công ty luôn được duy trì ổn định và có hướng phát triển.

- Nhiệm vụ bảo toàn và phát triển vốn của Công ty và vốn Nhà nước tốt.

- Đảm bảo được thu nhập và việc làm cho người lao động trong Công ty, người lao động trong Công ty yên tâm công tác.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty:

- Ban điều hành luôn thống nhất và đoàn kết cao.

- Ban điều hành đã linh hoạt, chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ban điều hành đã quan tâm, chỉ đạo kịp thời các Chi nhánh, tạo sự gắn kết giữa các Chi nhánh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong thời gian tới, Ban điều hành sẽ tạo sự gắn kết trong công tác phát triển thị trường giữa các Chi nhánh để tạo hiệu quả cao nhất trong hoạt động.

Ban điều hành sẽ tập trung giải quyết dứt điểm những vấn đề còn tồn đọng, đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Ban điều hành đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Quản trị doanh nghiệp là tiêu chí quan trọng nhất của Công ty do đó trong thời gian tới phải đẩy mạnh thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc;

- Công ty cần tiếp tục kiện toàn tổ chức và bộ máy quản lý theo hướng thật gọn nhẹ, lựa chọn nguồn nhân lực có trình độ, năng lực, kinh nghiệm thực tế để thúc đẩy hoạt động SXKD của Công ty.

- Công ty cần chuẩn bị và tập trung mọi nguồn lực để tổ chức thực hiện thành công các dự án lớn trong thời gian tới.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các Công ty khác
1	Lê Quang Trung	Chủ tịch	0%	0
2	Nguyễn Cao Thăng	Ủy viên	1,25%	0
3	Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên	0%	1
4	Nguyễn Chí Kiên	Ủy viên	0,55%	0
5	Đậu Công Lưu	Ủy viên	0,416%	0
6	Đỗ Hồng Trường	Ủy viên	0%	0
7	Vũ Trường Giang	Ủy viên	1,036%	0
8	Mai Tiến Sỹ	Ủy viên	0,325%	0
9	Trịnh Thị Ngọc Biên	Ủy viên	0%	0

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Ông Đỗ Thành Đĩnh – Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty được miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 ngày 25/4/2015.

Bà Trịnh Thị Ngọc Biên được bầu bổ sung làm thành viên Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 ngày 25/4/2015.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ.

Hội đồng quản trị họp định kỳ để tổng kết công tác hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra phương hướng kế hoạch cho thời gian tới.

Hội đồng quản trị hiện nay của Công ty có 9 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm.

Hội đồng quản trị giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hàng năm Hội đồng quản trị tổ chức họp để kiểm điểm, đánh giá các công tác hoạt động sản xuất kinh doanh và đề ra phương hướng cho kế hoạch tiếp theo.

d. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:

Trong năm 2015, các thành viên HĐQT sau đã hoàn thành chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng quản lý Crestcom

- Ông Lê Quang Trung - Chủ tịch HĐQT Công ty
- Ông Nguyễn Văn Dũng - Ủy viên HĐQT kiêm TGD Công ty
- Bà Trịnh Thị Ngọc Biên - Ủy viên HĐQT Công ty

2. Ban kiểm soát:

Danh sách Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2012-2017:

STT	Thành viên BKS	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Tạ Kim Chi	Trưởng ban	0,013%
2	Đặng Thuý Định	Ủy viên	0,5%
3	Vũ Xuân Trường	Ủy viên	0,2725%

Ban kiểm soát Công ty luôn giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty.

Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị của Công ty, xem xét các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Trong năm 2015, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu đơn thư khiếu nại nào.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát Công ty.

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban TGD, Ban kiểm soát Công ty: 1.226.353.526 đồng

- b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có
- d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Tổng giám đốc và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán:

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP **Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015**

Kính gửi : Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải được lập ngày 24 tháng 3 năm 2016 từ trang 08 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp

do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

**Phó Tổng Giám đốc
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hồng Thanh
GCNĐKHNKT số: 0053-2014-124-1

**Kiểm toán viên
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hạnh
GCNĐKHNKT số: 1690-2014-124-1

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2015 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100,897,903,959.00	110,450,398,075.00
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	38,635,046,676.00	59,592,063,490.00
1. Tiền	111		12,285,046,676.00	13,542,063,490.00
2. Các khoản tương đương tiền	112		26,350,000,000.00	46,050,000,000.00
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	11,980,544,577.00	12,036,553,400.00
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2,569,907,774.00	2,872,283,094.00
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(1,046,921,530.00)	(935,729,694.00)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10,457,558,333.00	10,100,000,000.00

III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47,024,594,361.00	33,436,266,996.00
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	38,777,742,161.00	31,201,214,173.00
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8,785,088,052.00	3,518,787,516.00
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2,400,319,405.00	1,361,493,035.00
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(2,938,555,257.00)	(2,645,227,728.00)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		1,594,468,128.00	4,631,762,515.00
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1,594,468,128.00	4,631,762,515.00
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,663,250,217.00	753,751,674.00
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1,177,345,073.00	440,306,038.00
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		485,905,144.00	289,745,015.00
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			23,700,621.00
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		151,902,267,641.00	138,846,959,647.00
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35,061,001,718.00	30,017,043,172.00
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.9	32,319,981,684.00	29,266,813,597.00
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.10	2,741,020,034.00	750,229,575.00
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		33,852,146,244.00	29,604,039,694.00
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	33,852,146,244.00	29,604,039,694.00
- Nguyên giá	222		118,453,060,707.00	111,778,717,385.00
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(84,600,914,463.00)	(82,174,677,691.00)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			

3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		41,308,958,414.00	41,230,884,914.00
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	41,308,958,414.00	41,230,884,914.00
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		35,340,307,522.00	36,324,428,813.00
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	3,600,000,000.00	3,600,000,000.00
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	33,594,424,002.00	34,094,424,002.00
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.15	(1,854,116,480.00)	(1,369,995,189.00)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6,339,853,743.00	1,670,563,054.00
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	6,339,853,743.00	1,670,563,054.00
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		252,800,171,600.00	249,297,357,722.00
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		87,050,998,780.00	88,681,518,719.00
I. Nợ ngắn hạn	310		34,463,644,106.00	36,341,955,427.00
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	17,631,406,924.00	15,276,348,617.00
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	775,906,500.00	387,747,717.00
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	4,145,698,884.00	9,970,665,091.00
4. Phải trả người lao động	314		5,907,542,348.00	5,965,106,053.00
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	3,457,453,472.00	1,957,606,449.00
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		726,981,816.00	269,782,829.00
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	1,586,775,980.00	1,409,809,043.00
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			

12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	231,878,182.00	1,104,889,628.00
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		52,587,354,674.00	52,339,563,292.00
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.23	52,587,354,674.00	52,339,563,292.00
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		165,749,172,820.00	160,615,839,003.00
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	165,749,172,820.00	160,615,839,003.00
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		90,000,000,000.00	90,000,000,000.00
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90,000,000,000.00	90,000,000,000.00
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20,000,000,000.00	20,000,000,000.00
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(20,000.00)	(20,000.00)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		12,315,446,218.00	8,746,758,303.00
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43,433,746,602.00	41,869,100,700
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25,995,248,480.00	27,790,826,396
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17,438,498,122.00	14,078,274,304
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			

2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		252,800,171,600.00 249,297,357,722.00

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	234,311,070,126.00	262,155,048,327.00
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		234,311,070,126.00	262,155,048,327.00
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	210,190,685,342.00	218,094,369,180.00
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		24,120,384,784.00	44,060,679,147.00
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5,232,499,688.00	3,499,513,703.00
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,115,835,839.00	213,626,571.00
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			75,670,000.00
8. Chi phí bán hàng	25		421,978,153.00	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5,587,480,614.00	5,043,178,470.00
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)}	30		22,227,589,866.00	42,303,387,809.00
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1,068,271,109.00	2,929,880,585.00
12. Chi phí khác	32	VI.7	528,272,799.00	725,531,187.00
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		539,998,310.00	2,204,349,398.00
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		22,767,588,176.00	44,507,737,207.00
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	4,705,438,444.00	9,828,146,632.00
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		18,062,149,732.00	34,679,590,575.00
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.9	1,770.00	3,472.00
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp) (*)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	1		22,767,588,176.00	44,507,737,207.00
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2		5,240,149,462.00	4,687,311,693.00
- Các khoản dự phòng	3		876,298,280.00	892,050,734.00
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		(190,179,260.00)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(4,419,684,537.00)	(3,735,174,887.00)
- Chi phí lãi vay	6			75,670,000.00
- Các khoản điều chỉnh khác	7			
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	8		24,274,172,121.00	46,427,594,747.00
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(19,089,403,855.00)	(3,115,126,758.00)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3,037,294,387.00	263,561,000.00
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3,693,342,524.00	(21,480,906,571.00)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5,406,329,724.00)	(202,393,963.00)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		802,375,320.00	
- Tiền lãi vay đã trả	14			(75,670,000.00)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8,878,469,889.00)	(6,238,289,726.00)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		203,670,000.00	1,185,568,775.00
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3,213,733,051.00)	(5,612,335,351.00)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4,577,082,167.00)	11,152,002,153.00
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9,652,086,009.00)	(8,558,256,194.00)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		744,875,465.00	648,272,727.00
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(357,558,333.00)	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			

6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3,946,523,279.00	3,371,763,968.00
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(5,318,245,598.00)</i>	<i>(4,538,219,499.00)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(20,000.00)
3. Tiền thu từ đi vay	33		350,000,000.00
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(910,000,000.00)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11,073,331,270.00)	(9,726,666,330.00)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(11,073,331,270.00)</i>	<i>(10,286,686,330.00)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>(20,968,659,035.00)</i>	<i>(3,672,903,676.00)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	59,592,063,490.00	63,264,967,166.00
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	11,642,221.00	
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</i>	<i>70</i>	<i>38,635,046,676.00</i>	<i>59,592,063,490.00</i>

Người đại diện trước pháp luật của Công ty
Tổng giám đốc



Nguyễn Văn Dũng